

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH T**

TỈNH GI L

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/6/2021

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH T, TỈNH GI L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Ruyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Rmah Ét và ông Đỗ Xuân Ua.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ph t, tỉnh Gi l.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph t tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ph t, tỉnh Gi l, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2021; về việc Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06a/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị Th, sinh năm: 1996;

Địa chỉ: thôn 3, xã Đăk Sin, huyện Đăk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông (vắng mặt).

Bị đơn: anh Trần Văn B, sinh năm: 1984(vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố 05, thị trấn Ph t, huyện Ph t, tỉnh Gi l.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2021, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh B có đăng kết hôn tại UBND thị trấn Ph t, huyện Ph t, tỉnh Gi l vào ngày 19/6/2014; chúng tôi chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng sau thì xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, nguyên nhân cả hai không hiểu nhau, giữa hai người có nhiều khác biệt trong cách sống, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân ngày càng bế tắc và không thể gắn bó; anh B không tôn trọng tôi, ham mê cờ bạc trai gái, chúng tôi ly thân nhau quá lâu rồi, năm 2019 tôi cũng đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng gia đình khuyên nhủ, nên tôi lại không yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nữa, nay mâu thuẫn của chúng tôi quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh B theo đúng quy định.

Về con chung: Tôi và anh B có 01 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày

03/9/2014 nếu ly hôn tôi nhận nuôi con và không yêu cầu anh B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, vì bao nhiêu năm nay anh B có quan tâm gì đến con chung đâu.

Về tài sản chung và nợ chung, tôi không yêu cầu giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm tôi tự nguyện chịu theo quy định.

Đối với bị đơn anh Trần Văn B: Quá trình Thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh B theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh B không lên làm việc, không có mặt, nên Tòa án phải đi xác minh và lập các thủ tục không tổng đạt được, Niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... tại địa chỉ và nơi ở của anh B; Ủy ban nhân dân thị trấn và tại trụ sở Tòa án theo đúng quy định, nhưng anh B vẫn không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph t, tỉnh Gi l phát biểu quan điểm về tố tụng:

Căn cứ vào khoản 4 điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát;

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235; 238 và Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; 54; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và hòa giải, các bước tổng đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm b, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về nội dung: Quan hệ về tranh chấp Ly hôn nuôi con chung là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết ly hôn của chị Trần Thị Th với anh Trần Văn B.

Về con chung: chị Th và anh B có 01con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 03/9/2014, nguyện vọng của chị Th nhận nuôi con là có cơ sở, vì lâu nay chị Th là người trông nom chăm sóc nuôi dưỡng con chung; chị Th không yêu cầu anh B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra

tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến làm việc, không hợp tác cùng Tòa án để ký nhận văn bản hòa giải hoặc bản khai khi Tòa án làm việc, không viết bản tự khai và cũng không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên phải hoãn phiên tòa; mở phiên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn (chị Th) có đơn xin xét xử vắng mặt, trong nội dung đơn chị Th yêu cầu Hội đồng xét xử đúng như nội dung đơn khởi kiện cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án: yêu cầu được ly hôn với anh B, nhận nuôi con chung (Trần Gia B) chị Th không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, về án phí chị Th tự nguyện chịu theo quy định. Căn cứ theo đoạn 2 khoản 2 điều 227; điểm a khoản 1 và các khoản 2, 3, 4, 5 của điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, xem xét đơn xin xét xử vắng mặt đối với yêu cầu của Nguyên đơn.

[2] *Về hôn nhân*: chị Trần Thị Th và anh Trần Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ph t, huyện Ph t, tỉnh Gi l; quan hệ hôn nhân của chị Th và anh B là hợp pháp.

Quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa chị Th và anh B luôn xảy ra (theo biên bản xác minh và chị Th khai) vợ chồng hay bất đồng quan điểm, nguyên nhân cả hai không hiểu nhau, giữa hai người có nhiều khác biệt trong cách sống, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân ngày càng bế tắc và không thể gắn bó; anh B không tôn trọng chị Th, ham mê cờ bạc trai gái, năm 2019 chị Th đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó lại đình chỉ giải quyết, chị Th và anh B ly thân nhau lâu rồi, chị Th phải về nhà mẹ đẻ ở; Hội đồng xét xử, xét cuộc sống vợ chồng chị Th và anh B không có ý thức hỗ trợ chia sẻ nhau trong công việc, tình cảm giữa chị Th và anh B thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; mặc dù anh B không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu của Nguyên đơn; việc chị Th khai là hoàn toàn có cơ sở, bởi lẽ việc quan tâm về tình cảm của vợ chồng phải diễn ra thường xuyên và liên tục, họ ly thân nhau quá lâu rồi, chứng tỏ họ không còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau, anh B không có trách nhiệm gì đối với chị Th và con chung trong thời gian ly thân; vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th xin ly hôn với anh B là có cơ sở.

[3] *Về con chung*: chị Th và anh B có 01 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 03/9/2014, quá trình chung sống cũng như thời gian vợ chồng ly thân, chị Th là người chăm sóc nuôi dưỡng con từ nhỏ, nên sự gần gũi yêu thương liên tục chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ là rất cần thiết, để con trẻ phát triển hoàn thiện về mọi mặt thể chất cũng như tinh thần, vì vậy việc giao con chung tên Trần Gia B cho chị Th chăm

sóc nuôi dưỡng giáo dục là có cơ sở; chị Th không yêu cầu anh B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

[5] *Về án phí*: chị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235; 238 và Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; 54; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th.

Về hôn nhân: chị Trần Thị Th được ly hôn anh Trần Văn B.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 03/9/2014 cho chị Trần Thị Th là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và áp dụng việc cấp dưỡng nuôi con chung; anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: chị Trần Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0007526 ngày 15/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph t, tỉnh Gi l; chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Kể từ ngày tuyên án (01/6/2021) các đương sự (chị Th và anh B) vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh Gi l để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND.H Ph t;
- Chi cục THADS.H Ph t;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đức Ruyệt